

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH LẠNG SƠN**

Bản án số: 68/2019/HS-ST
Ngày 13-11-2019

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LẠNG SƠN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hoa

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Việt Chung

Bà Nguyễn Thị Hoàng Quế

- Thư ký phiên tòa:Bà Nguyễn Thị Thu Hương - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên tòa:
Ông Quan Hữu Thi - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 11 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 68/2019/TLST-HS ngày 23 tháng 10 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 75/2019/QĐXXST-HS ngày 01 tháng 11 năm 2019, đối với bị cáo:

La Thị H, sinh ngày 17 tháng 6 năm 1966 tại huyện T, tỉnh Lạng Sơn. Nơi đăng ký thường trú và chỗ ở: Thôn P, xã K, huyện T, tỉnh Lạng Sơn; nghề nghiệp: Nguyên làm ruộng; trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: Tày; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông La Văn Đ (La Quốc C) và bà Ngô Thanh T; có chồng là Hoàng Văn Đ và 03 con; tiền án, tiền sự: Không có; nhân thân: Chưa bị truy cứu trách nhiệm hình sự, chưa bị xử phạt vi phạm hành chính, chưa bị xử lý kỷ luật; bị cáo bị bắt để tạm giam từ ngày 21-8-2019 đến nay; có mặt.

- Người bào chữa cho bị cáo: Ông Triệu Văn T, Luật sư Văn phòng Luật sư S thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Lạng Sơn; có mặt.

- Bị hại: Chị Nông Thị T, sinh năm 2000; nghề nghiệp: Làm ruộng. Trú tại: Thôn N, xã K, huyện T, tỉnh Lạng Sơn; có mặt.

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại: Bà Lương Thị Hương L, Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Lạng Sơn; vắng mặt.

- Người đại diện hợp pháp của bị hại: Ông Nông Văn T, sinh năm 1966. Trú tại: Thôn N, xã K, huyện T, tỉnh Lạng Sơn; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

La Thị H biết người đàn ông Trung Quốc tên S (không rõ họ tên, địa chỉ cụ thể) đang tìm phụ nữ Việt Nam, La Thị H đã chủ động liên hệ được S đặt vấn đề nhờ La Thị H tìm phụ nữ đưa sang Trung Quốc giao cho S thì S sẽ cho tiền. La Thị H biết Nông Thị T chưa đủ 16 tuổi, nhà ở cùng xã nên đã nảy sinh ý định lừa đưa Nông Thị T sang Trung Quốc giao cho S để lấy tiền tiêu. Tháng 3-2016, La Thị H đến nhà Ngô Thị N thì gặp Nông Thị T ở đó. Sau khi lừa rủ Ngô Thị N sang Trung Quốc không được, La Thị H tiếp tục lấy lý do làm thuê ở Trung Quốc lương tháng từ 2.500 đến 3000CNY để dụ dỗ làm Nông Thị T tưởng thật và đã đồng ý. Ngay sau khi Nông Thị T nhận lời La Thị H dặn Nông Thị T không được nói cho ai biết việc đi sang Trung Quốc làm. Sau đó, La Thị H đã điện thoại cho S thống nhất địa điểm giao nhận người.

Ngày 23-3-2016, La Thị H báo và hẹn hôm sẽ đón Nông Thị T tại cầu P thuộc thôn N, xã K, huyện T, tỉnh Lạng Sơn để đưa sang Trung Quốc và dặn Nông Thị T không được nói cho ai biết. Khoảng 19 giờ ngày 24-3-2016, La Thị H lấy lý do sang Trung Quốc làm thuê và bảo con trai là La Đức Q chở đến cửa khẩu N thuộc xã B, huyện T, tỉnh Lạng Sơn. Khi La Đức Q chở La Thị H đi qua cầu P khoảng 500m thì gặp Nông Thị T đang đứng chờ ở ven đường. La Thị H bảo La Đức Q chở cả Nông Thị T đi theo hướng đến cửa khẩu N. Trên đường đi, La Thị H lấy lý do điện thoại sang Trung Quốc không liên lạc được đã bảo Nông Thị T đưa cho La Thị H quản lý với mục đích không để Nông Thị T gọi điện liên lạc với người thân. Khi đi đến thị trấn R, huyện T, tỉnh Lạng Sơn thì La Thị H xuống xe, đi cùng người đàn ông lái xe ôm tên H do La Thị H đã điện thoại hẹn trước, còn La Đức Q chở Nông Thị T. Khi đi đến nơi giao nhau giữa đường Quốc lộ với đường mòn tuần tra biên giới thì La Thị H bảo dừng lại và trả tiền công cho H 70.000 đồng. Lúc này, La Thị H bảo La Đức Q chờ rồi dẫn Nông Thị T đi bộ theo đường mòn tuần tra biên giới đến địa điểm đã hẹn người đàn ông tên S đã đứng đợi sẵn. La Thị H bảo Nông Thị T đi theo S để sang Trung Quốc làm trước, 2 đến 3 ngày nữa La Thị H sang sau. Nông Thị T tưởng thật đã đi theo người tên S vào sâu đất Trung Quốc. La Thị H nhận của S 500CNY rồi đi về chỗ La Đức Q đang đứng đợi để cùng nhau đi về nhà.

Nông Thị T bị người tên S đưa về nhà ở Trung Quốc 04 ngày rồi S tiếp tục đưa Nông Thị T đến thành phố S, Trung Quốc bán Nông Thị T cho một người đàn ông Trung Quốc lấy làm vợ (sau này chồng Nông Thị T nói đã mua Nông Thị T với số tiền 08 vạn nhân dân tệ). Đầu tháng 8-2019, thông qua mạng xã hội, Nông Thị T quen biết anh Hoàng Tiến H, anh Hoàng Đức H. Ngày 16-8-2019, Nông Thị T cùng hai người này về Việt Nam. Ngày 19-8-2019, Nông Thị T đến Công an huyện Tràng Định, tỉnh Lạng Sơn tố cáo hành vi của La Thị H.

Bản Cáo trạng số: 92/CT-VKS-P1 ngày 28 tháng 10 năm 2019 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn đã truy tố bị cáo La Thị H phạm tội Mua bán

người dưới 16 tuổi theo điểm đ khoản 2 Điều 151 Bộ luật Hình sự năm 2015.

Tại phiên tòa:

Bị cáo La Thị H khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như Cáo trạng của Viện kiểm sát đã truy tố. Bị cáo đã tác động để gia đình bồi thường tổng cộng cho bị hại với tổng số tiền 20.000.000 đồng.

Bị hại chị Nông Thị T và người đại diện hợp pháp của mình là ông Nông Văn T cho biết: Tháng 3 năm 2016, bị hại đã bị bị cáo lừa bán sang Trung Quốc. Sau đó, bị hại đã bị bán cho một người đàn ông Trung Quốc lấy làm vợ. Trong quá trình sống ở Trung Quốc, bị hại đi làm công nhân, chung sống hạnh phúc và có 01 người con với người chồng của mình. Qua bạn bè cùng làm nên ngày 16-8-2019, bị hại đã quay về Việt Nam và ngày 19-8-2019 bị hại đã làm đơn tố cáo hành vi của bị cáo. Bị hại và gia đình yêu cầu bị cáo phải bồi thường tổng cộng 20.000.000 đồng. Bị hại và gia đình xác nhận gia đình bị cáo đã bồi thường xong. Nay bị hại và gia đình không có yêu cầu bị cáo phải bồi thường gì thêm và đề nghị giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn vẫn giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố bị cáo La Thị H phạm tội Mua bán người dưới 16 tuổi. Căn cứ Nghị quyết số: 41/2017/QH 14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội, điểm đ khoản 2 Điều 151, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38, 54 của Bộ luật Hình sự năm 2015; xử phạt bị cáo La Thị H từ 08 đến 09 năm tù. Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo vì bị cáo không có tài sản. Truy thu số tiền 1.700.000 đồng (tương đương 500CNY) do bị cáo phạm tội mà có.

Ông Triệu Văn T là người bào chữa cho bị cáo và bị cáo tự bào chữa đều nhất trí với các ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn.

Bà Lương Thị Hương L tại Luận cứ bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị hại nhất trí với ý kiến của đại diện Viện kiểm sát về tội danh. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng mức hình phạt cao nhất mà Viện kiểm sát đề nghị đối với bị cáo. Về trách nhiệm bồi thường thiệt hại đề nghị xem xét yêu cầu của bị hại và ý kiến của bị cáo tại phiên tòa để tuyên mức bồi thường dân sự phù hợp theo quy định của pháp luật.

Lời nói sau cùng của bị cáo: Bị cáo xin lỗi bị hại và gia đình bị hại, bị cáo đã nhận thấy lỗi lầm của bản thân, bị cáo xin được giảm nhẹ hình phạt để có cơ hội sớm được trở về với gia đình và xã hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại có đơn xin xét xử vắng mặt và có gửi Bản luận cứ bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị hại. Căn cứ các quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự

năm 2015, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại theo quy định của pháp luật tố tụng hình sự.

[2] Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên, người bào chữa trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015. Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo, người bào chữa, người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[3] Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của bị hại và các chứng cứ tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa. Do đó, có căn cứ xác định: Ngày 24-3-2016, bị cáo La Thị H đã có hành vi lừa dối Nông Thị T (tại thời điểm đó Nông Thị T được 15 tuổi, 09 tháng 24 ngày) sang Trung Quốc bán cho một người nam giới Trung Quốc tên là S (không biết họ, địa chỉ) để nhận 500CNY. Ngày 16-8-2019, Nông Thị T về Việt Nam và ngày 19-8-2019 đã đến cơ quan chức năng tố cáo hành vi của bị cáo La Thị H.

[4] Thời điểm bị cáo thực hiện hành vi phạm tội vào năm 2016 nên sẽ áp dụng các điều khoản của Bộ luật Hình sự năm 1999 để giải quyết vụ án. Theo quy định tại khoản 1 Điều 120 Bộ luật Hình sự năm 1999: Tội Mua bán, đánh tráo hoặc chiếm đoạt trẻ em có khung hình phạt từ ba năm đến mười năm; khoản 2 Điều 120 Bộ luật Hình sự năm 1999 có khung hình phạt từ mười năm đến hai mươi năm hoặc tù chung thân. Theo quy định tại khoản 1 Điều 151 Bộ luật Hình sự năm 2015: Tội Mua bán người dưới 16 tuổi có khung hình phạt từ bảy năm đến mười hai năm tù; khoản 2 Điều 151 Bộ luật Hình sự năm 2015 có khung hình phạt từ mười hai năm đến hai mươi năm tù. Khi xét xử các vụ án hình sự thuộc các trường hợp: Điều luật xóa bỏ một tội phạm, một hình phạt, một tình tiết tăng nặng, quy định một hình phạt nhẹ hơn, một tình tiết giảm nhẹ mới hoặc mở rộng phạm vi áp dụng án treo, miễn trách nhiệm hình sự, loại trừ trách nhiệm hình sự, miễn hình phạt, giảm hình phạt, tha tù trước thời hạn có điều kiện, xóa án tích và các quy định khác có lợi cho người phạm tội, thì được áp dụng đối với hành vi phạm tội đã thực hiện trước khi điều luật đó có hiệu lực thi hành theo quy định tại khoản 3 Điều 7 của Bộ luật Hình sự năm 2015 Tòa án cần căn cứ vào quy định tại Nghị quyết số: 41/2017/QH 14 ngày 20-6-2017 của Quốc hội khóa XIV để giải quyết vụ án.

[5] Với hành vi trên, việc truy tố của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn đối với bị cáo là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Vì vậy, có đủ cơ sở kết luận La Thị H phạm tội Mua bán người dưới 16 tuổi, tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 151 Bộ luật Hình sự năm 2015.

[6] Bị cáo nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật nhưng do muốn có tiền mà bị cáo vẫn cố ý thực hiện tội phạm. Hành vi phạm tội của bị cáo gây ra là nguy hiểm cho xã hội. Hành vi đó đã trực tiếp xâm phạm đến danh

dự, nhân phẩm, xâm hại thân thể, quyền tự do của con người. Việc mua bán người để đưa ra nước ngoài đang có diễn biến phức tạp, gây ảnh hưởng rất lớn đến trật tự an toàn xã hội và gây bất bình trong dư luận quần chúng nhân dân. Chính vì vậy, cần phải xử lý nghiêm minh mọi hành vi mua bán người để nhằm mục đích răn đe, giáo dục, phòng ngừa và đáp ứng yêu cầu đấu tranh phòng chống tội phạm.

[7] Xét nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo La Thị H: Bị cáo là người chưa có tiền án, tiền sự, có nhân thân tốt, trong quá trình sinh sống ở địa phương ngoài lần phạm tội này ra chưa có vi phạm gì. Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Bị cáo đã tác động để gia đình khắc phục hậu quả, bồi thường cho bị hại tổng số tiền 20.000.000 đồng trước khi mở phiên tòa (Bị hại và gia đình của mình không yêu cầu bị cáo phải bồi thường gì thêm). Đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015. Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của bản thân. Đây là hai tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015. Bị hại và người đại diện hợp pháp tại phiên tòa đề nghị giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo; bố bị cáo là người có công với cách mạng được tặng thưởng Huân chương Kháng chiến. Đây là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015. Xét thấy, bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1, 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 nên cần áp dụng thêm Điều 54 Bộ luật Hình sự năm 2015 đối với bị cáo để quyết định mức hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt được áp dụng. Qua đó, để bị cáo thấy được sự khoan hồng của pháp luật, an tâm cải tạo trở thành người có ích cho gia đình và xã hội.

[8] Về hình phạt bổ sung: Tại khoản 4 Điều 151 Bộ luật Hình sự năm 2015 quy định: Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 200.000.000 đồng, do đó, bị cáo có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền. Tuy nhiên, theo các tài liệu, chứng cứ (Biên bản xác minh ngày 17-10-2019) và lời khai của bị cáo tại phiên tòa thể hiện: Bị cáo làm ruộng, không có thu nhập ổn định; tuy bị cáo có tài sản nhưng là tài sản chung với cả hộ gia đình và tài sản đó là đất ruộng, đất rừng ... (giá trị không lớn) để cả gia đình canh tác, sử dụng tạo nguồn kinh tế chính của gia đình. Do vậy, Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[9] Các biện pháp tư pháp: Trong vụ án này bị cáo có thu lợi bất chính từ việc phạm tội nên căn cứ điểm b khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự năm 2015 cần truy thu của bị cáo số tiền 1.700.000 đồng (tương đương 500CNY) để sung vào ngân sách Nhà nước.

[10] Về bồi thường thiệt hại: Trong quá trình giải quyết vụ án, bị hại và đại diện hợp pháp của bị hại yêu cầu bị cáo phải bồi thường tổng số tiền là 20.000.000 đồng. Gia đình bị cáo đã bồi thường đủ 20.000.000 đồng trước khi

mở phiên tòa cho bị hại và người đại diện hợp pháp của bị hại. Tại phiên tòa, bị hại và đại diện hợp pháp của bị hại không yêu cầu bị cáo phải bồi thường gì thêm nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[11] Đối với La Đức Q là con trai bị cáo La Thị H do không biết mục đích của bị cáo đưa bị hại đi bán nên La Đức Q không phạm tội. Vì vậy, Hội đồng xét xử không xem xét.

[12] Đối với người có tên là H, người tên là S và chồng của Nông Thị T ở Hà Nam, Trung Quốc, do bị cáo và bị hại khai địa chỉ không rõ ràng nên Cơ quan điều tra không có cơ sở xác minh, điều tra, không có căn cứ yêu cầu tương trợ tư pháp đối với các đối tượng này. Vì vậy, Hội đồng xét xử không xem xét.

[13] Về án phí: Bị cáo bị kết án nên bị cáo phải chịu 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm để sung quỹ Nhà nước theo quy định tại khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[14] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát, của người bào chữa cho bị cáo và của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị hại đề nghị nào phù hợp với nhận định trên thì được Hội đồng xét xử chấp nhận, đề nghị nào không phù hợp với nhận định trên thì không được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[15] Bị cáo, bị hại, người đại diện hợp pháp của bị hại có quyền kháng bản án trong thời hạn 15 ngày theo quy định tại khoản 1 Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Nghị quyết số: 41/2017/QH 14 ngày 20-6-2017 của Quốc hội khóa XIV, khoản 3 Điều 7, điểm đ khoản 2 Điều 151, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm b khoản 1 Điều 47, Điều 54 của Bộ luật Hình sự năm 2015;

Căn cứ khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136, Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015;

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo La Thị H phạm tội Mua bán người dưới 16 tuổi.

2. Về hình phạt: Xử phạt bị cáo La Thị H 08 (tám) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo bị bắt để tạm giam là ngày 21-8-2019.

3. Các biện pháp tư pháp: Truy thu của bị cáo La Thị H số tiền 1.700.000 đồng (một triệu bảy trăm nghìn đồng) tương đương 500CNY để sung vào ngân sách Nhà nước.

4. Về án phí: Bị cáo La Thị H phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm để sung quỹ Nhà nước.

Bị cáo, bị hại, người đại diện hợp pháp của bị hại có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Lạng Sơn;
- Sở Tư pháp tỉnh Lạng Sơn;
- Phòng PV 06 CA tỉnh Lạng Sơn;
- Cục THADS tỉnh Lạng Sơn;
- Trại tạm giam CA tỉnh Lạng Sơn;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Người tham gia tố tụng khác;
- Lưu: VT, Tổ HCTP, Tòa HS, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Nguyễn Thị Hoa